

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 89/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 08-9-2022.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Đoàn Văn Lắm.

+ Ông Nguyễn Văn Kim.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 159/2022/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 89/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị M - Sinh năm: 1982, địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T - Sinh năm: 1976; địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 20 tháng 5 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Huỳnh Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện D (nay là huyện C), tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11 tháng 9 năm 2002, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc hay lừa dối. Chị và anh T chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên xảy ra tranh cãi, những khi đã uống rượu say thì đánh chị và đập phá nhà cửa. Cho rằng tình cảm vợ chồng là không còn, hôn nhân không còn hạnh phúc, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị M yêu cầu ly hôn với anh T, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Chị M yêu cầu được quyền nuôi người con chung chưa thành niên giữa chị với anh T là: Nguyễn Quốc B - Sinh ngày 07 tháng 7 năm 2015 (hiện đang sống chung với chị), không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Riêng người con lớn là Nguyễn Thị Thúy H - Sinh ngày 25 tháng 8 năm 2003, đã thành niên, có khả năng lao động nên chị M không có yêu cầu gì liên quan đến người con này.

Về tài sản chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị M trình bày là không có.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn T vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về các vấn đề có liên quan đến vụ án.

Tại phiên tòa:

Chị Huỳnh Thị M, anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre phát biểu: Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích, đánh giá lời trình bày của đương sự, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cụ thể:

(1) *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Huỳnh Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

(2) *Về con chung*: Giao cho chị Huỳnh Thị M được quyền tiếp tục, trực tiếp nuôi người con chung chưa thành niên giữa chị với anh Nguyễn Văn T là: Nguyễn Quốc B - Sinh ngày 07 tháng 7 năm 2015 (hiện đang sống chung với chị M), anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị M không yêu cầu. Riêng người con lớn là Nguyễn Thị Thúy H - Sinh ngày 25 tháng 8 năm 2003, đã thành niên, có khả năng lao động, không ai có yêu cầu gì liên quan đến người con này nên không xem xét, giải quyết.

(3) *Về tài sản chung, về nợ chung*: Không xem xét, giải quyết do không có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị M có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” với anh T có địa chỉ tại: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các điều 28, 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Anh T vắng mặt tại các phiên hòa giải ngày 23 tháng 6 năm 2022, ngày 15 tháng 7 năm 2022, đồng thời chị M có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Chị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Tòa án xét xử vắng mặt chị M, anh T là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

[3.1] Chị M và anh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B vào năm 2002, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận.

[3.2] Trên cơ sở lời trình bày của chị M, biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định được giữa chị M và anh T có phát sinh mâu thuẫn như chị M đã trình bày. Đồng thời anh T không có mặt tại Tòa án để tham gia các phiên hòa giải nhằm mục đích đoàn tụ; từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị M với anh T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của chị M về việc ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung:

[4.1] Chị M yêu cầu nuôi người con chung chưa thành niên giữa chị với anh T là Nguyễn Quốc B - Sinh ngày 07 tháng 7 năm 2015, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, anh T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, cũng không gửi cho Tòa án văn bản có yêu cầu về việc nuôi con, trong khi đó Nguyễn Quốc B đang sống chung với chị M và có nguyện vọng muốn được tiếp tục sống chung với chị M nếu như chị M và anh T ly hôn nên giao cho chị M tiếp tục nuôi Nguyễn Quốc B là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4.2] Riêng người con lớn của chị M và anh T là Nguyễn Thị Thúy H - Sinh ngày 25 tháng 8 năm 2003, đã thành niên, có khả năng lao động, không ai có yêu cầu gì liên quan đến người con này nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, về nợ chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung và trình bày là không có nợ; anh T vắng mặt và không có văn bản yêu cầu gì về cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, nợ chung. Đồng thời Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị M là người khởi kiện yêu cầu ly hôn nên chị M phải chịu 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các điều 5, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị M, cụ thể:

1/ *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Huỳnh Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2/ *Về con chung:*

Chị Huỳnh Thị M được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi người con chung giữa chị với anh Nguyễn Văn T là: Nguyễn Quốc B - Sinh ngày 07 tháng 7 năm 2015 (hiện đang sống chung với chị M) cho đến khi người con đủ mười tám tuổi. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị M không yêu cầu.

Anh Nguyễn Văn T có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Trường hợp anh T lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì chị M có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T.

Vì lợi ích của con chung, chị M, anh T hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Riêng người con lớn của chị M và anh T là Nguyễn Thị Thúy H - Sinh ngày 25 tháng 8 năm 2003, đã thành niên, có khả năng lao động, không ai có yêu cầu gì liên quan đến người con này nên không xem xét, giải quyết.

3/ Về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, về nợ chung: Không xem xét, giải quyết do không có yêu cầu.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị M phải chịu 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0007602 ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre; chị M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5/ Về quyền kháng cáo: Chị Huỳnh Thị M, anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã B;
- VKSND huyện Mô Cày Bắc;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện C;
- Phòng KTNV và THA-TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Nguyễn Văn Nguyên